

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST.
Ngày: 15-3-2023.
V/v Tranh chấp dân sự nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Phạm Quang Tới.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2022/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp dân sự nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-DS ngày 08/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐST-DS ngày 24/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp 2A, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà D có mặt; bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào năm 2021 bà D có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà X trả số tiền nợ hui 13.400.000 đồng và bà X có làm tờ cam kết sẽ trả số tiền nợ hui cho bà D trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 05/4/2021, trường hợp nếu bà X không trả tiền cho bà D theo như thỏa thuận thì bà X phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật. Nhưng đến nay bà X vẫn không trả số tiền nợ hui cho bà D theo như thỏa thuận.

Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị X

có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ hui là 13.400.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 5/8/2021 đến ngày 5/3/2023 là 19 tháng x 13.400.000 đồng x 0,83% = 2.113.180 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 15.513.180 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Giấy CCCD và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị D (photo).
- Tờ thỏa thuận của bà Nguyễn Thị X ngày 05/4/2021 (photo).
- Đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí của bà Nguyễn Thị D ngày 07/10/2022 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả cho bà D số tiền hui tổng cộng tiền gốc và lãi là 15.513.180 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự nợ hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân và do bị đơn có địa chỉ ở ấp 3, xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị X đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả cho bà D số tiền hui tổng cộng tiền gốc và lãi là 15.513.180 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 2021 bà D có khởi kiện bà X tại Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười

yêu cầu bà X trả cho bà D số tiền nợ hui là 13.400.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa bà D và bà X đã thống nhất tự thỏa thuận với nhau về việc trả số tiền nợ hui trên. Cụ thể theo tờ thỏa thuận ngày 05/4/2021 thì bà X có trách nhiệm trả nợ trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 05/4/2021, trường hợp nếu bà X không trả tiền cho bà D theo như thỏa thuận thì bà X phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật. Nhưng đến nay bà X vẫn không trả số tiền nợ hui cho bà D theo như thỏa thuận nên nay bà D yêu cầu bà X có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ hui là 13.400.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 5/8/2021 đến ngày 5/3/2023 là 19 tháng x 13.400.000 đồng x 0,83% = 2.113.180 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 15.513.180 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng bà X vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời bà X cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Như vậy, việc bà X còn nợ bà D số tiền hui 13.400.000 đồng và lãi suất tính từ tháng 8/2021 đến tháng 3/2023 là 19 tháng x 13.400.000 đồng x 0,83% = 2.113.180 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi 15.513.180 đồng là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ hui tổng cộng tiền gốc và lãi 15.513.180 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì bà X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D.

- Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ hui tổng cộng gốc và lãi là 15.513.180 đồng (Mười lăm triệu năm trăm mười ba nghìn một trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 775.500 đồng (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Văn Ngọc